TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/DS-ST
Ngày: 12-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Chánh

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2024/TLST–DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-DS ngày 11/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1999 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Thành N, sinh nắm 1961 (Vắng mặt)

2. Bà Đoàn Cẩm H1, sinh năm 1969 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng năm 2020 do cần tiền để làm ăn nên vợ chồng bà Đoàn Cẩm H1 và ông Lê Thành N có nhờ ông H vay dùm cho bà H1 và ông N số tiền là 400.000.000 đồng, do là chỗ quen biết và tình nghĩa với nhau nên ông H đồng ý. Sau đó ông H có vay dùm cho bà H1 và ông N số tiền là 400.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng, hàng tháng bà H1 và ông N sẽ chuyển tiền cho ông H đóng lãi. Tuy nhiên sau đó do bà H1 và ông N không đóng lãi suất hàng tháng đúng hạn và nợ lại nhiều tháng nên đã nợ tiền lãi và chủ nợ thường xuyên đến nhà của ông H để đòi tiền.

Do bị đòi tiền nhiều lần làm ảnh hưởng đến gia đình và công việc nên ông H có gọi điện để nói chuyện với ông Nghĩa L ông N sẽ mượn tiền để trả hết số tiền gốc vay và tiền lãi là 512.000.000 đồng *(Năm trăm mười hai triệu đồng)* cho chủ nợ thì bà H1 và ông N đồng ý.

Tuy nhiên sau khi ông H trả tiền dùm cho vợ chồng bà H1 và ông N số tiền là 512.000.000 đồng, thì cho đến nay vợ chồng bà H1 và ông N chỉ trả dần dần cho ông H được số tiền là 192.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 320.000.000 đồng *(Ba trăm hai mươi triệu đồng)* cho đến nay.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 60.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn ông Lê Thành N và bà Đoàn Cẩm H1 liên đới trả cho ông Phạm Văn H số tiền nợ là 320.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Thành N và bà Đoàn Cẩm H1 trình bày:

Ông N, bà H1 thừa nhận năm 2020 ông có vay của ông Phạm Văn H số tiền vay là 400.000.000 đồng, mục đích ông, bà vay tiền để lo vốn làm ăn. Từ khi vay đến nay thì còn nợ ông H số tiền 320.000.000 đồng. Hiện nay gia đình kinh tế khó khăn nên ông N, bà H1 yêu cầu được trả dần số tiền nợ trên mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

3/ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", đồng thời các bị đơn cư trú tại xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Lê Thành N đã được Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông N vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn N.

[1.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 60.000.000 đồng.

Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả số tiền còn nợ là 320.000.000 đồng.

HĐXX thấy rằng tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/02/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm cũng như tại phiên tòa thì bà H1, ông N đã thừa nhận có vay và hiện nay còn nợ ông H số tiền 320.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định ông N và bà H1 có nợ ông H số tiền 320.000.000 đồng là có thật.

Do phía các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ là 320.000.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Phía bị đơn yêu cầu trả dần số tiền nợ trên mỗi tháng 20.000.000 đồng, phía nguyên đơn không đồng ý nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận. Phía bị đơn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận với nguyên đơn nội dung này tại giai đoạn thi hành án.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền là 16.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Nghĩa là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn phần án phí của ông N số tiền là 8.000.000 đồng. Bà H1 phải chịu án phí là 8.000.000 đồng.

[6] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 430; Điều 440; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Thành N và bà Đoàn Cẩm H1 trả số tiền vay.

Buộc ông Lê Thành N và bà Đoàn Cẩm H1 liên đới trả cho ông Phạm Văn H số tiền là 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Văn H thì hàng tháng ông Lê Thành N và bà Đoàn Cẩm H1 còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

3/ Về án phí sơ thẩm:

Ông Lê Thành N được miễn án phí.

Bà Đoàn Cẩm H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

Ông Phạm Văn H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Phạm Văn H số tiền tạm ứng án phí là 9.500.000 đồng (*Chín triệu năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0009476 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trúc Phương